

Số 39 /KH-TrMN

Diễn châu, ngày 29 tháng 6 năm 2026

## **KẾ HOẠCH**

### **Tuyển sinh - Năm học 2026-2027**

Căn cứ Công văn số 1330/SGD&ĐT ngày 29/4/2026 về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh và chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới 2026 - 2027 cấp học mầm non năm học 2026-2027 của SGD&ĐT Nghệ an;

Căn cứ vào kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2026-2027 của SGD&ĐT Nghệ an

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh số 146/KH-UBND ngày 8/5/2026 về kế hoạch tuyển sinh vào trường lớp Mầm non, lớp 1, lớp 6 của UBND xã Diễn châu năm học 2026-2027

Căn cứ vào biên bản duyệt kế hoạch phát triển giáo dục ngày 30 tháng 03 năm 2026 của Trường mầm non Diễn Thành năm học 2026-2027

Xét tình hình thực tế của địa phương và trường Mầm non Diễn Thành năm học 2026-2027, Trường mầm non xây dựng kế hoạch tuyển sinh như sau;

#### **I. Công tác tuyển sinh:**

##### **1. Đối tượng và số lượng tuyển sinh:**

a. Trẻ trong độ tuổi mầm non theo quy định Điều lệ trường mầm non phù hợp với nhóm lớp tuyển sinh của trường; có hộ khẩu thường trú của cha mẹ hoặc người đỡ đầu hoặc hộ khẩu tạm trú ổn định từ 01 năm trở lên trên địa bàn xã Diễn châu;

b. Đối tượng ưu tiên tuyển thẳng:

Đối tượng ưu tiên tuyển thẳng: Căn cứ điều kiện thực tế về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên hiện có, nhà trường thực hiện tuyển sinh theo thứ tự ưu tiên đối tượng thuộc diện phổ cập: Trẻ 5 tuổi, 4 tuổi, 3 tuổi; trẻ em là con gia đình chính sách theo quy định của Chính phủ; trẻ em là con công nhân làm việc ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp... ;

Đối tượng còn lại: Căn cứ chỉ tiêu được tuyển, nhà trường xây dựng phương thức tuyển sinh phù hợp, báo cáo UBND xã, phường để thực hiện.

- Số lượng được tuyển sinh: Là số tuyển mới, tuyển bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

##### **2. Nội dung hoạt động tuyển sinh:**

a. Xây dựng và báo cáo kế hoạch tuyển sinh:

Hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch tuyển sinh và báo cáo với lãnh đạo UBND xã về: Chỉ tiêu được tuyển mới, tuyển bổ sung từng độ tuổi; đối tượng tuyển thẳng; số chỉ tiêu còn lại cho từng độ tuổi; cách thức tuyển số chỉ tiêu còn lại;

b. Công bố công khai: Chỉ tiêu được tuyển mới, tuyển bổ sung( có số lượng cụ thể); đối tượng ưu tiên tuyển thẳng; phương thức tuyển đối với đối tượng còn lại trên loa truyền thanh của khối, xóm và niêm yết công khai ở bảng tin của trường.

c. Lập danh sách trẻ được tuyển sinh vào trường theo 2 diện đối tượng quy định tại mục b,c Điểm I, II, trình Phòng VH-XH xã Diễn châu phê duyệt

### **3. Hồ sơ tuyển sinh:**

a. Danh sách tuyển sinh năm học 2026-2027 của trường (lập riêng theo từng đối tượng), được Phòng VH-XH xã Diễn châu phê duyệt;

b. Đơn đăng ký tuyển sinh do cha mẹ hoặc người đỡ đầu viết;

c. Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ hoặc chứng thực bản sao từ bản chính.

d. Giấy chứng nhận hộ nghèo, con thương binh, bệnh binh, con của quân nhân đang công tác tại biên giới hải đảo, giấy chứng nhận khuyết tật chế độ chính sách khác, (nếu có)

### **4. Số lượng cụ thể:**

- Tổng số điều tra trẻ từ 0-6 tuổi dự kiến: cháu: 1271 cháu
- Tổng số trẻ cần huy động: 638/1271 cháu đạt tỷ lệ 50%
- Tổng số trẻ trong độ tuổi mầm non đã đến trường năm học 2025-2026 là: 531 cháu. trong đó chuyển lên lớp 1 là 164 cháu. Còn lại 367 cháu trong xã .
- Dự kiến tuyển mới thêm năm học 2026-2027 là: 275 cháu (Các độ tuổi)

Cụ thể:

| Độ tuổi      | Số lượng điều tra | Số lượng KH giao | Trẻ đã đến trường | Số trẻ tuyển mới |
|--------------|-------------------|------------------|-------------------|------------------|
| Trẻ Nhà trẻ  | 161               | 75               | 0                 | 75               |
| Trẻ 3-4 tuổi | 241               | 125              | 81                | 44               |
| Trẻ 4-5 tuổi | 176               | 176              | 103               | 77               |
| Trẻ 5-6 tuổi | 262               | 262              | 183               | 79               |
| <b>Cộng</b>  | <b>1271</b>       | <b>638</b>       | <b>367</b>        | <b>275</b>       |

- Chỉ tiêu huy động trẻ đến trường

| T<br>T | Độ tuổi     | Chỉ tiêu giao |        | Chuyển lên lớp |        | Tuyển mới |        | Ghi chú |
|--------|-------------|---------------|--------|----------------|--------|-----------|--------|---------|
|        |             | SL            | Tỷ lệ% | SL             | Tỷ lệ% | SL        | Tỷ lệ% |         |
| 1      | 0-18 tháng  | 0/0           | 0      | 0              | 0      | 0         | 0      |         |
| 2      | 19-24 tháng | 0/0           | 0      | 0              | 0      | 0         | 0      |         |

|   |                         |                 |            |            |             |            |             |  |
|---|-------------------------|-----------------|------------|------------|-------------|------------|-------------|--|
| 3 | 25-36 tháng             | 75/161          | 46%        | 0          | 0           | 75         | 46%         |  |
|   | <b>Cộng NT</b>          | 75/161          | 46%        | 0          | 0           | 75         | 46%         |  |
| 4 | 3 -4 tuổi               | 125/241         | 88%        | 81         | 100%        | 44         | 88%         |  |
| 5 | 4-5 tuổi                | 176/176         | 100%       | 103        | 100%        | 77         | 100%        |  |
| 6 | 5-6 tuổi                | 262/262         | 100%       | 183        | 100%        | 79         | 100%        |  |
|   | <b>Cộng MG</b>          | <b>563/679</b>  | <b>82%</b> | <b>367</b> | <b>100%</b> | <b>275</b> | <b>100%</b> |  |
|   | <b>Cộng toàn trường</b> | <b>638/1271</b> | <b>50%</b> | <b>367</b> | <b>100%</b> | <b>275</b> | <b>100%</b> |  |

- Phân công nhóm lớp, giáo viên tiếp nhận trẻ các vùng.

| Lớp MG lớn                                                  | Lớp MG nhỏ                                                 | Lớp MG bé                                 | Nhà trẻ                                         |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>262 cháu/7 lớp</b>                                       | <b>176 cháu/6 lớp</b>                                      | <b>125 cháu/5 lớp</b>                     | <b>75 cháu/3 nhóm</b>                           |
| Lớn A-(37 cháu)<br>Lớp nhỏ A (chuyển lên 32, ) + 5 cháu mới | Nhỏ A- (30 cháu)<br>Lớp bé A (chuyển lên 27) + 3 cháu mới  | Bé A- (25 cháu)<br>Lớp NTA (chuyển lên )  | Nhóm trẻ A<br>(25 cháu)24-36 tháng<br>Tuyển mới |
| Lớn B-37 cháu<br>(Lớp nhỏ B chuyển lên 30 )+ 7 cháu mới     | Nhỏ B- (30 cháu)<br>Lớp bé B (chuyển lên 27 ) + 3 cháu mới | Bé B - (25 cháu)<br>Lớp NT B (chuyển lên) | Nhóm trẻ B<br>(25 cháu)24-36 tháng<br>Tuyển mới |
| Lớn C-(37 cháu)<br>Lớp nhỏ C chuyển lên 27+ 10 cháu mới)    | Nhỏ C- (30 cháu)<br>Lớp bé C (chuyển lên 29) + 1 cháu mới  | Bé C - (25 cháu)<br>Lớp NT C (chuyển lên) | Nhóm trẻ C<br>(25 cháu)24-36 tháng<br>Tuyển mới |
| Lớn D-(37 cháu)<br>(Lớp nhỏ D chuyển lên 37                 | Nhỏ D- (30 cháu)<br>Lớp bé D (chuyển lên 20) + 10 cháu mới | Bé D - (19 cháu mới + 6 cháu cũ)          |                                                 |
| Lớn E-(37 cháu)<br>Lớp nhỏ E chuyển lên 28+ 9 cháu mới      | Nhỏ E - (30 cháu mới)                                      | Bé E - (23 cháu mới + 2 cháu cũ)          |                                                 |
| Lớn G (38 cháu)<br>Nhỏ G chuyển lên                         | Nhỏ G - (30 cháu mới)                                      |                                           |                                                 |

|                   |  |  |  |
|-------------------|--|--|--|
| 29 + 9 cháu mới   |  |  |  |
| Lớn H 37 cháu mới |  |  |  |

## II. Cơ sở vật chất:

Kiểm tra, rà soát các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ trẻ trong năm học mới và có kế hoạch xây dựng, cải tạo sửa chữa, mua sắm. Việc mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ phải phù hợp với trẻ mầm non và đảm bảo nguyên tắc tài chính theo qui định.

## III. Thời gian tuyển sinh và các quy định khác

### 1. Thời gian:

- Từ ngày 29/6 đến 30/6/2026: Xây dựng và báo cáo kế hoạch tuyển sinh trình Phòng VH-XH xã Diễn Châu;
  - Từ ngày 02/7 đến 15/7/2026: Thực hiện công tác tuyên truyền, thông báo công khai;
  - Ngày 15, 16/7/2026: Nhà trường tiến hành nhận hồ sơ tuyển sinh
  - Sáng ngày 17 /7/2026: Hội đồng tuyển sinh tiến hành xét duyệt hồ sơ và lập danh sách số trẻ được tuyển sinh năm học 2026-2027,
  - Chiều ngày 17 /7/2026: Trình Phòng VH-XH xã phê duyệt danh sách trẻ được tuyển sinh;
  - Sáng ngày 18/7/2026: Hội đồng tuyển sinh tiến hành lập danh sách niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường số được tuyển sinh năm học 2026-2027, phân bổ lớp và thông báo với phụ huynh bằng phiếu nhập học thông qua giáo viên phụ trách nhóm lớp.
- + Hồ sơ minh chứng của đối tượng con hộ nghèo, cận nghèo, con của gia đình thuộc diện chính sách (có bố hoặc mẹ là liệt sỹ; Thương binh, con của quân nhân đang công tác tại biên giới, hải đảo); con của gia đình công nhân làm việc ở các nhà máy, khu công nghiệp cư trú trên địa bàn trường đóng có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp, không ổn định
- **Lưu ý: Nhà trường chỉ tổ chức tuyển sinh trong thời gian trên; nếu quá thời gian trên phụ huynh không đến làm thủ tục tuyển sinh sau này có gì vướng mắc nhà trường không chịu trách nhiệm.**

